

Bản án số: **219/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 25/5/2020
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thuận
2. Ông Mai Lưu Quốc Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Không tham gia

Ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2020/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị C, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện B, tỉnh G;
2. *Bị đơn:* Anh N, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện G, tỉnh G

Chị C, anh N vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh N cưới nhau vào tháng 02/2019 và có đăng ký kết hôn vào năm 2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 08/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do có sự bất hòa, tính tình không phù hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc thường xuyên cự cãi. Chị và anh N đã ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Nay chị thấy vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 07/5/2020, bị đơn anh N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị C cưới nhau vào tháng 02/2019 và có đăng ký kết hôn vào năm 2019. Vợ chồng chung sống được một tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do có bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi trong cách ăn ở sinh hoạt, mâu thuẫn về kinh tế. Anh và chị C đã ly thân từ tháng 11/2019 đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn với chị C

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị C có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị C, anh N có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị C và anh N cưới nhau vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G vào năm 2019 là phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thường xuyên cự cãi.

Xét thấy chị C và anh N đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và không giải quyết được, không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình vợ chồng và đều xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống hôn nhân giữa chị C và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, cho chị C ly hôn với anh N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Không có

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có

[3] Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị C và anh N

2. Về án phí: Chị C phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 3542 ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Vĩnh Lộc